HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 44/2025/NQ-HĐND	*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT
Phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 – 2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đường bộ số 35/2024/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Xét Tờ trình số 419 /TTr-UBND ngày 02 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn, giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phê chuẩn Đề án phát triển giao thông nông thôn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2026 - 2030, với những nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu chung

Tiếp tục đầu tư, cải tạo, nâng cấp, kết hợp xây dựng mới đồng bộ mạng lưới đường và cầu giao thông nông thôn (sau đây gọi tắt là GTNT) của tỉnh đạt tiêu chuẩn kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển phục vụ có hiệu quả chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, thu hẹp khoảng cách nâng cao đời sống của đồng bào vùng nông thôn, vùng dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa.

Đến năm 2030, tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đạt trên 90%; tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt trên 95%; trong đó ưu tiên hoàn thành tiêu chí về giao thông trong Chương trình mục tiêu quốc

gia xây dựng nông thôn mới tỉnh; nâng tỷ lệ cứng hóa mặt đường GTNT các loại đạt tỷ lệ trên 85%. Đầu tư xây dựng tối thiểu 120 cầu GTNT; 100% các cầu GTNT đã được xây dựng kiên cố được quản lý, bảo trì theo quy định.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đường giao thông nông thôn:

Giai đoạn 2026-2030 phấn đấu rải nhựa hoặc bê tông đường xã thêm được 500km, nâng tỷ lệ đường xã được rải nhựa hoặc bê tông đến hết năm 2030 đạt 2.652km/2.732km;

Phấn đấu giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 450km đường đến trung tâm thôn, tương ứng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hoá thêm được tối thiểu 50 thôn, nâng tổng số thôn có đường ô tô đến trung tâm thôn được cứng hóa đạt 1.455/1.515 thôn.

Giai đoạn 2026-2030, cứng hóa thêm được 1.703km mặt đường GTNT các loại trong đó: Đường xã: Giai đoạn 2026-2030 cứng hoá thêm được 500km, nâng tổng chiều dài đường trục xã được cứng hóa đến hết năm 2030 là 2.652km/2.732km; hệ thống đường thôn: Giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 450km, nâng tổng chiều dài đường thôn được cứng hóa đến hết năm 2030 là 2.031km/2.256km; hệ thống đường ngõ xóm: Giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 500km, nâng tổng chiều dài đường ngõ xóm được cứng hóa đến hết năm 2030 là 3.000km/4.080km; hệ thống đường trục chính nội đồng: Giai đoạn 2026-2030 cứng hóa thêm được 253km, nâng tổng chiều dài đường trục chính nội đồng được cứng hóa đến hết năm 2030 là 447km/447km, nâng tổng số mặt đường GTNT được cứng hóa đến hết năm 2030 đạt 8.130km/9.514km.

b) Cầu giao thông nông thôn:

Giai đoạn 2026 - 2030 phấn đấu hoàn thành xây dựng mới 120 cầu GTNT; 100% các cầu giao thông nông thôn đã được xây dựng kiên cố được quản lý, bảo trì theo quy định.

3. Nguyên tắc

a) Nguyên tắc chung

Phát triển cầu và đường GTNT với phương châm *"Nhà nước và Nhân dân cùng làm", "dân làm, Nhà nước hỗ trợ"*, Nhân dân tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng.

Việc quản lý, đầu tư phát triển mạng lưới GTNT do cấp xã chủ động, chịu trách nhiệm chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Ủy ban nhân dân cấp xã cử cán bộ kỹ thuật của cơ quan chuyên môn thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

b) Đối với đường giao thông nông thôn

Nhà nước hỗ trợ các loại vật tư, vật liệu chính gồm xi măng, cát, đá hoặc sỏi đổ bê tông (đối với mặt đường bê tông xi măng); đối với các tuyến gia cố nền đường bằng tro bay, tro xỉ, phụ gia (đối với mặt đường đá dăm láng nhựa) sẽ được hỗ trợ vật liệu chính, vật liệu phụ, hỗ trợ chi phí máy, hỗ trợ thi công;

hỗ trợ chi phí quản lý, giám sát, hướng dẫn kỹ thuật, thanh quyết toán công trình...Nhân dân đóng góp phần vật liệu còn lại và thi công các hạng mục khác không được hỗ trợ trong Đề án này (nền đường, đắp lề đường, rãnh thoát nước, duy tu bảo dưỡng thường xuyên đường...) đảm bảo đồng bộ.

Đối tượng hỗ trợ bao gồm hệ thống đường GTNT theo tiêu chí nông thôn mới: (1) đường xã; (2) đường thôn; (3) đường ngõ xóm; (4) đường trục chính nội đồng trong giai đoạn từ năm 2026 đến hết năm 2030. Phần mặt đường các tuyến đường xã, đường thôn, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng.

c) Đối với cầu giao thông nông thôn

Hỗ trợ đầu tư phần cầu chính từ nguồn ngân sách tỉnh, ngân sách xã và huy động từ nguồn xã hội hoá. Nhân dân tự đóng góp kinh phí thực hiện thi công nền, mặt đường hai bên đầu cầu tối thiểu mỗi bên 10m tính từ đuôi mố cầu trở ra.

4. Tiêu chí xác định các danh mục công trình ưu tiên hỗ trợ đầu tư

a) Ưu tiên 1*:* Các công trình thuộc các xã điểm phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu trong năm kế hoạch và các xã tự đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới trong năm.

b) Ưu tiên 2: Các công trình đã có sẵn mặt bằng thi công hoặc cam kết của Nhân dân tự nguyện hiến đất mở rộng nền, mặt đường.

c) Ưu tiên 3: Các công trình thuộc các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới.

d) Ưu tiên 4: Các công trình thuộc các xã có đường đến trung tâm xã chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.

5. Cơ chế thực hiện đầu tư

a) Trình tự, thủ tục đầu tư công trình GTNT thực hiện theo Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình GTNT theo quy định.

b) Đối với những công trình đường GTNT có quy mô kỹ thuật đơn giản, không phức tạp sử dụng "Thiết kế mẫu đường giao thông nông thôn"; được áp dụng cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

c) Đối với những công trình có các hạng mục khác như: nền đường (trừ nền đường được gia cố bằng tro bay, tro xỉ, phụ gia áp dụng cho mặt đường đá dăm láng nhựa), ngầm, cống, kè, rãnh thoát nước và các công trình phụ trợ khác chủ đầu tư phải lồng ghép các nguồn vốn triển khai thực hiện đồng bộ đảm bảo yêu cầu khai thác, sử dụng. Khuyến khích sự đóng góp và tự tổ chức thi công của nhân dân theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

d) Thực hiện giám sát cộng đồng (các xã cử cán bộ kỹ thuật của phòng chuyên môn tham gia giám sát cùng cộng đồng dân cư).

6. Cơ chế hỗ trợ

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ đường xã

- Hỗ trợ 100% vật liệu xi măng, cát, đá hoặc sỏi, chi phí máy thi công; hỗ trợ 50% vật liệu phụ và chi phí nhân công để xây dựng mặt đường bê tông xi măng.

- Hỗ trợ 100% vật liệu tro bay, tro xỉ, xi măng, nhựa đường, đá, vật liệu phụ, chi phí máy thi công; hỗ trợ 50% chi phí nhân công để làm mặt đường láng nhựa (sử dụng các chất gia cố: xi măng, tro bay, tro xỉ, phụ gia để gia cố nền, mặt đường được láng nhựa, nhũ tương hoặc cacboncor).

- Hỗ trợ các khoản chi khác cho đường xã gồm: Tư vấn kỹ thuật, quản lý tiến độ, chất lượng thi công, lập hồ sơ dự toán công trình, lập hồ sơ thanh quyết toán,... với giá trị tối đa bằng 5% tổng dự toán được phê duyệt, nhưng không quá 150 triệu đồng/1 công trình.

b) Ngân sách xã hỗ trợ đường thôn, ngõ xóm, nội đồng

- Hỗ trợ 100% vật liệu xi măng, cát, đá hoặc sỏi để làm mặt đường bê tông xi măng. Không hỗ trợ thi công đường thôn, phần thi công do cộng đồng dân cư huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ 100% vật liệu tro bay, tro xỉ, xi măng, nhựa đường, đá, vật liệu phụ và chi phí máy thi công làm mặt đường láng nhựa (sử dụng các chất gia cố: xi măng, tro bay, tro xỉ, phụ gia để gia cố nền, mặt đường được láng nhựa, nhũ tương hoặc cacboncor). Các chi phí nhân công do cộng đồng dân cư huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

- Hỗ trợ các khoản chi khác cho đường thôn gồm: Tư vấn kỹ thuật, quản lý tiến độ, chất lượng thi công, lập hồ sơ dự toán công trình, lập hồ sơ thanh quyết toán,... với giá trị tối đa bằng 5% tổng dự toán được phê duyệt, nhưng không quá 150 triệu đồng/1 công trình.

- Hỗ trợ toàn bộ xi măng làm mặt đường bê tông xi măng đường ngõ xóm và trục chính nội đồng. Chi phí: Cát, đá, nhân công, vật liệu phụ do cộng đồng dân cư chủ động huy động, đóng góp... tự tổ chức thực hiện.

c) Hỗ trợ cầu giao thông nông thôn

Ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ tối đa 90%, ngân sách xã tối thiểu 10% và nguồn huy động từ nguồn xã hội hoá thực hiện phần cầu chính (tuỳ theo khả năng huy động của từng địa phương). Nhân dân tự đóng góp kinh phí thực hiện thi công nền, mặt đường hai bên đầu cầu tối thiểu mỗi bên 10m tính từ đuôi mố cầu trở ra.

d) Đóng góp của nhân dân: Tự nguyện hiến đất, giải phóng mặt bằng, đóng góp phần vật liệu còn lại, tổ chức thi công xây dựng công trình và các hạng mục khác không được hỗ trợ trong Đề án này đảm bảo đồng bộ.

7. Nhu cầu vốn đầu tư: Tổng kinh phí thực hiện dự kiến đối với xây dựng đường giao thông nông thôn và cầu giao thông nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 là 2.021,1 tỷ đồng.

a) Đường giao thông nông thôn: Khối lượng thực hiện cho cả giai đoạn

2026-2030 là 1.703Km với tổng kinh phí 1.838,1 tỷ đồng, cụ thể như sau:

TT	Loại đường	Khối lượng (Km)	Kinh phí	Ngân sách Nhà nước hỗ trợ
1	Đường xã (cấp A,B)	500	852.784	762.929
2	Đường thôn (cấp B,C)	450	514.342	395.793
3	Đường trục chính nội đồng (cấp C)	253	204.786	50.440
4	Đường ngõ, xóm (cấp D)	500	266.165	65.417
	Tổng cộng	**1.703**	**1.838.077**	**1.274.579**

Cơ cấu vốn cụ thể như sau: Vốn ngân sách hỗ trợ là 1.274,6 tỷ đồng chiếm 69%, vốn huy động khác là 563,5 tỷ đồng chiếm 31%.

b) Cầu giao thông nông thôn: Khối lượng thực hiện cho cả giai đoạn 2026-2030 khoảng 120 cầu, với nhu cầu kinh phí đầu tư xây dựng cầu GTNT là 183,0 tỷ đồng. Trong đó ngân sách tỉnh tối đa là 164,7 tỷ đồng chiếm 90%; ngân sách xã 18,3 tỷ đồng chiếm 10%, nguồn huy động từ nguồn xã hội hoá. Kinh phí nhân dân tự đóng góp thực hiện phần đường dẫn hai bên đầu cầu là: 9,6 tỷ đồng.

8. Nguồn vốn và phân cấp vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ:

Ngân sách nhà nước hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 1.457,6 tỷ đồng, cụ thể như sau:

a) Ngân sách tỉnh hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 927,6 tỷ đồng:

- Nguồn vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 hỗ trợ 300 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ xây dựng đường GTNT là 187,0 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng cầu GTNT là 113 tỷ đồng), tương ứng 60 tỷ đồng/năm;

- Nguồn vốn Chương trình MTQG là 320 tỷ đồng, tương ứng 64 tỷ đồng/năm (đầu tư đường xã);

- Bố trí từ nguồn chi khác ngân sách tỉnh, nguồn vượt thu và các nguồn vốn hợp pháp khác là 307,6 tỷ đồng (trong đó hỗ trợ xây dựng đường GTNT là 255,9 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng cầu GTNT là 51,7 tỷ đồng), tương ứng 61,5 tỷ đồng/năm.

b) Ngân sách xã hỗ trợ giai đoạn 2026-2030 là 530,0 tỷ đồng:

- Vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách xã hỗ trợ 251,9 tỷ đồng, tương ứng 50,4 tỷ đồng/năm;

- Các nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia, nguồn dự phòng, nguồn chi khác ngân sách xã và các nguồn hợp pháp khác là 278,1 tỷ đồng, tương ứng 55,6 tỷ đồng/năm.

Việc bố trí vốn cho Đề án cụ thể hằng năm giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ khả năng cân đối ngân sách và tiến độ thực hiện các dự án, trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết. Báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả triển khai thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khoá XVII, kỳ họp thứ hai mươi thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

Nơi nhận:
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: TC, XD;
- Cục KTVB và Quản lý XLVPHC, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh uỷ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tổ chức CT-XH tỉnh;
- HĐND, UBND các xã, phường;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Báo và PTTH Lạng Sơn, Cổng TTĐT tỉnh, Công báo tỉnh;
- Liên thông Hệ thống phần mềm HĐND;
- Lưu: VT, HSKH.

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Đoàn Thị Hậu